

# Phán xét của cộng đồng và ý định nghỉ học của sinh viên thuộc nhóm LGBT

Bùi Hoàng Ngọc\*<sup>1</sup>, Đặng Huy Hùng<sup>2</sup>,  
Nguyễn Hữu Nam<sup>3</sup>, Dương Nguyễn Kiều Trinh<sup>4</sup>,  
Phan Tường Vy<sup>5</sup>, Chung Ngọc Bảo Châu<sup>6</sup>

\* Tác giả liên hệ

<sup>1</sup> Email: ngocbh@hufi.edu.vn

<sup>2</sup> Email: 2036205657@hufi.edu.vn

<sup>3</sup> Email: 2036205618@hufi.edu.vn

<sup>4</sup> Email: 2036205662@hufi.edu.vn

<sup>5</sup> Email: 2013213495@hufi.edu.vn

<sup>6</sup> Email: 2013213135@hufi.edu.vn

Trường Đại học Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh  
140 Lê Trọng Tấn, Tây Thạnh, Tân Phú,  
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**TÓM TẮT:** Những cá nhân thuộc cộng đồng LGBT thường nhạy cảm và dễ bị tổn thương với những đánh giá của cộng đồng so với các nhóm người khác. Nghiên cứu này nhằm khám phá tác động của cảm xúc tiêu cực trong học tập, môi trường học tập và tương tác xã hội đến ý định nghỉ học của sinh viên. Bên cạnh đó, bài viết cũng điều tra và thảo luận sâu về vai trò của “phán xét của cộng đồng” trong việc điều tiết ba tác động trên cho nhóm sinh viên thuộc cộng đồng LGBT. Bằng kỹ thuật ước lượng bình phương nhỏ nhất riêng phần cho 165 quan sát hợp lệ, những phát hiện chính của nghiên cứu là: 1/ Cảm xúc tiêu cực trong học tập có quan hệ cùng chiều với ý định nghỉ học, đồng thời phán xét của cộng đồng làm thúc đẩy mạnh mẽ ý định này; 2/ Môi trường học tập thiếu sự cảm thông và chia sẻ sẽ hun đúc ý định nghỉ học. Tuy nhiên, phán xét của cộng đồng là trung tính đối với tác động này; 3/ Tác động của tương tác xã hội đến ý định nghỉ học là không rõ ràng. Phát hiện của nghiên cứu cung cấp bằng chứng thực nghiệm giúp cơ sở giáo dục đại học, cộng đồng có những hành động và cách ứng xử phù hợp hơn với nhóm sinh viên thuộc cộng đồng LGBT.

**TỪ KHÓA:** LGBT, ý định nghỉ học, cảm xúc tiêu cực trong học tập, tương tác xã hội, môi trường học tập.

→ Nhận bài 14/7/2023 → Nhận bài đã chỉnh sửa 01/9/2023 → Duyệt đăng 25/12/2023.

DOI: <https://doi.org/10.15625/2615-8957/12311205>

## 1. Đặt vấn đề

Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng tới cảm xúc trong học tập và ý định nghỉ học đã được nhiều nhà nghiên cứu khám phá trước đây như: nghiên cứu của Pekrun và cộng sự (2002) [1], Nguyễn Thị Minh Hằng (2014) [2], Bùi Hoàng Ngọc và cộng sự (2023) [3]. Tuy nhiên, trong các nghiên cứu này có một nhóm người học thường bị bỏ qua, gồm những người đồng tính nam (gay), đồng tính nữ (lesbian), song tính (bisexual) và chuyển giới (transgender) (sau đây gọi chung là nhóm LGBT). Bên cạnh quyền được học tập thì “Quyền không bị kì thị và phân biệt đối xử dựa trên chủng tộc, tôn giáo, giới tính hoặc quốc gia” được xác lập trong tuyên ngôn nhân quyền của Liên Hiệp quốc ngày 10 tháng 12 năm 1948. Trong thực tế, trước đây những người thuộc nhóm LGBT thường bị phân biệt đối xử, kì thị, thậm chí bị quấy rối và cấm tham gia vào các hoạt động chung của cộng đồng. Biểu hiện rõ nhất của sự kì thị đó là những lời bàn tán, dèm pha, thậm chí miệt thị những người thuộc cộng đồng LGBT về cách ăn mặc, điệu bộ, hay các bộ phận của cơ thể... Trong khi phán xét của xã hội thì cho rằng, những cá nhân này là “bệnh hoạn”, là “sản phẩm lỗi của tự nhiên”. Về phân biệt đối xử, người thuộc cộng đồng LGBT thường không nhận được sự hỗ

trợ, không được tuyển dụng, bị gạt ra bên lề, thậm chí bị ngăn cấm và bị bạo hành trong nhiều hoạt động của cộng đồng. Kết quả là, càng bị kì thị và phân biệt đối xử thì nhóm cộng đồng LGBT càng co cụm lại thành từng nhóm nhỏ trong cộng đồng của riêng họ, chỉ tương tác, giao tiếp với nhau và ít giao du với người bên ngoài dù là dị tính hay đồng tính. Họ có các hoạt động tương trợ và giúp nhau trong những nhóm riêng (như lập nhóm đi hát đám ma, cùng nhau biểu diễn nghệ thuật) và có những phương thức riêng để đối phó với kì thị.

Gần đây, ở các nước phương Tây đã có những động thái tích cực trong việc đảm bảo các quyền lợi dành cho những người thuộc cộng đồng LGBT. Bất chấp những nỗ lực này, theo Bilewicz và cộng sự (2021) [4] các cá nhân LGBT đã và vẫn đang bị ngược đãi. Những người trưởng thành nằm trong cộng đồng LGBT đều trải qua một thử thách phát triển chung đó là, quyết định xem khi nào và bằng cách nào để họ công khai về bản dạng giới và xu hướng tính dục của họ cho mọi người xung quanh.

Mặc dù cho tới thời điểm hiện tại vẫn chưa có con số thống kê cụ thể về số lượng người thuộc cộng đồng LGBT tại Việt Nam nhưng theo báo cáo của Viện Nghiên cứu Gia đình và Giới thì năm 2020, trong 98,2

triệu người thì có 5% dân số Việt Nam tự xác định mình thuộc cộng đồng LGBT. Tuy nhiên, đây cũng chỉ là con số ước tính và không phải là số liệu chính thức. Hiệp hội LGBT quốc tế ILGA (International lesbian, gay, bisexual, trans and intersex association) cũng xếp hạng Việt Nam đứng thứ 80/194 quốc gia và vùng lãnh thổ về số lượng người thuộc nhóm LGBT vào năm 2021. Phải thừa nhận rằng, hiện nay cộng đồng đã có sự hiểu biết và thấu cảm nhiều hơn đối với nhóm LGBT nên nhiều người trong số họ đã tự tin công khai bản dạng giới và xu hướng tính dục của bản thân mà ít phải lo sợ sự kì thị hay phân biệt đối xử. Thậm chí, một số ít đã khẳng định được bản thân trong học tập, công việc và có những đóng góp hữu ích cho xã hội. Theo Burn và cộng sự (2005) [5], dù xã hội đã cởi mở hơn đối với những người thuộc giới tính thứ 3 nhưng không phải tất cả mọi người đều có sự hiểu biết và thấu cảm. Tâm lí và những suy nghĩ tự ti ẩn chứa bên trong có xu hướng trở dậy khi họ nghe được, nhìn thấy hoặc chính bản thân phải trải qua khi tiếp cận với những phán xét tiêu cực từ phía cộng đồng. Trong lĩnh vực giáo dục, sự bất ổn của nội tâm nếu phải cộng hưởng với phán xét tiêu cực của bạn cùng học, giáo viên hay cộng đồng nói chung sẽ để lại cho nhóm sinh viên thuộc cộng đồng LGBT những tổn thương tâm lí, chán nản, cô đơn, sống khép kín và cực đoan hơn là nghỉ học, tuyệt vọng thậm chí hình thành ý định tự sát.

## 2. Nội dung nghiên cứu

### 2.1. Tổng quan nghiên cứu và giả thuyết nghiên cứu

Cảm xúc trong học tập là những rung động hay phản ứng bên trong của người học trước tác động của các yếu tố ngoại cảnh như khả năng truyền thụ kiến thức của giảng viên, quy định học tập của cơ sở giáo dục, hay sự cạnh tranh trong thành tích học tập. Cảm xúc ảnh hưởng đến khả năng tập trung và ghi nhớ thông tin. Cảm xúc tích cực trong học tập có thể tạo ra sự hứng thú, tăng cường sự tập trung và cải thiện thành tích học tập, trong khi cảm xúc tiêu cực có thể gây mất tập trung, làm giảm khả năng ghi nhớ, chán nản, mất định hướng, trầm cảm, có nguy cơ dẫn đến bạo lực hoặc sử dụng chất gây nghiện...

Khác với các sinh viên khác, nhóm sinh viên thuộc cộng đồng LGBT có tâm lí nhạy cảm hơn. Nghiên cứu của Carnaghi và cộng sự (2011) [6] tiết lộ rằng, nhóm LGBT sẽ có cảm xúc lo lắng, trầm cảm và tuyệt vọng hơn các nhóm khác. Thậm chí nếu tình trạng này không được cải thiện sớm có thể ảnh hưởng trực tiếp tới sức khỏe tâm thần trong thời gian dài. Nghiên cứu của Crawford và Henry (2004) [7] tìm hiểu về tác động của việc chấp nhận bản thân (self-acceptance) đối với thành tích học tập của nhóm LGBT khẳng định rằng, chỉ có sự chấp nhận bản thân và tự tin mới giúp cải thiện được

thành tích của nhóm đối tượng này. Theo Lewis và cộng sự (2002) [8], những định kiến đối với nhóm LGBT không chỉ xuất hiện ở cộng đồng mà còn có thể xảy ra trong “Bức tường thành vững chắc nhất” của nhóm LGBT, đó chính là gia đình họ. Ngay bản thân cha mẹ ruột của nhóm LGBT cũng xuất hiện những tâm lí và hành động không theo chuẩn mực chung như thương hại, xúc phạm ngầm định, miệt thị hoặc bạo hành. Một số phụ huynh còn cấm đoán con cái họ tham gia vào những hoạt động chung ở cộng đồng vì sợ ảnh hưởng tới uy tín, địa vị, hoặc không chịu đựng được sự bẽ mặt, xúc phạm từ người thân, láng giềng...

Trong lĩnh vực giáo dục, ngay cả đối với nhóm người học bình thường, khi bị cảm xúc tiêu cực chi phối thì họ cũng cảm thấy khó khăn trong cách phản ứng. Theo Watson và cộng sự (1988) [9], những tín hiệu trong não thường khiến chúng ta đưa ra các quyết định thiên về cảm xúc hơn là lí trí. Do vậy, khi những cá nhân LGBT phải trải nghiệm hay đối phó với cảm xúc tiêu cực thì thay vì nhận thấy sự cần thiết phải xử lí những thông tin mới một cách hợp lí thì họ lại tập trung theo đuổi những thứ thuộc về cảm xúc. Khi những cảm xúc này vượt một ngưỡng nhất định sẽ dẫn đến các hành vi trả đũa. Các hành vi trả đũa phổ biến nhất là né tránh, tức giận, đối đầu và bạo lực.

Điều tra 4.276 học sinh trung học phổ thông ở Mỹ, Klem và Connell (2004) [10] đưa ra cảnh báo khoảng 40% - 60% học sinh có xu hướng nghỉ học thường xuyên khi họ cảm nhận được cảm xúc tiêu cực. Li và Prevatt (2008) [11] khẳng định rằng, sinh viên của tỉnh Hà Bắc, Trung Quốc có sự lo sợ và mất tập trung khi phải tự mình đối mặt với cảm xúc tiêu cực trong học tập. Nguyên nhân là do các phụ huynh đặt kì vọng cao vào con cái, trong khi lại thiếu đi sự hướng dẫn cần thiết. Điều này vô hình tạo ra áp lực và khi không đạt được mục tiêu thì dễ dẫn đến chán nản, thậm chí buông xuôi.

Nguyễn Thị Minh Hằng (2014) [2] kết luận rằng, hầu hết học sinh trung học phổ thông trong mẫu nghiên cứu tại Hà Nội và Hải Phòng chưa được đào tạo kĩ năng ứng phó với những phán xét tiêu cực tại trường học. Bùi Hoàng Ngọc và cộng sự (2023) [3] đã tìm thấy mối quan hệ cùng chiều giữa cảm xúc tiêu cực trong học tập với ý định chuyển đổi cơ sở đào tạo. Do đó, với nhóm đối tượng nhạy cảm cao hơn với các phán xét từ cộng đồng, nghiên cứu này kì vọng cảm xúc tiêu cực trong học tập sẽ có tác động cùng chiều đến ý định nghỉ học. Giả thuyết nghiên cứu được phát biểu như sau:

H<sub>1</sub>: Áp lực gia đình có ảnh hưởng tích cực đến cảm xúc tiêu cực trong học tập.

H<sub>2</sub>: Sự tự ti của bản thân có tác động cùng chiều đến cảm xúc tiêu cực trong học tập.

H<sub>3</sub>: Cảm xúc tiêu cực trong học tập có ảnh hưởng

cùng chiều với ý định nghỉ học.

Cảm xúc là yếu tố bên trong và có “tính động”, trong khi môi trường học tập lại “cứng nhắc” và được thiết kế để ứng phó với các tình huống không đạt chuẩn. Nếu môi trường học tập tốt, có sự hỗ trợ và khuyến khích từ giảng viên hay bạn bè, sinh viên sẽ có cảm giác thoải mái hơn để học tập và phát triển tốt năng lực của mình. Bên cạnh đó, môi trường học tập tích cực còn giúp sinh viên học được kỹ năng giao tiếp, rèn luyện sự tự tin, phát triển tư duy sáng tạo. Tuy nhiên, nếu môi trường học tập thiếu tính nhân văn và thấu cảm thì sinh viên sẽ cảm thấy thiếu động lực và sự tự tin để học tập và đạt được thành tích cao. Do đó, môi trường học tập đóng vai trò quan trọng trong sự phát triển của sinh viên. Dahir và Stone (2009) [12] khám phá tác động của sự hỗ trợ từ cố vấn học tập đối với sức khỏe tâm lý và thành tích học tập của nhóm LGBT. Kết quả của họ cho thấy rằng, sự có mặt và hỗ trợ của cố vấn học tập có thể giúp giảm căng thẳng, tăng cường sự tự tin và cải thiện thành tích học tập của những đối tượng này. Kết luận trên được ủng hộ bởi Wypych và Bilewicz (2022) [13] khi họ phát hiện ra chính sách bảo vệ và quy định trường học rõ ràng về sự chấp nhận và không phân biệt có thể tạo ra một môi trường học tập an toàn và chấp nhận cho người LGBT, góp phần nâng cao thành tích học tập của họ.

H<sub>4</sub>: Cố vấn học tập có tác động cùng chiều với môi trường học tập.

H<sub>5</sub>: Quy định học tập có tác động cùng chiều với môi trường học tập.

H<sub>6</sub>: Môi trường học tập tiêu cực có quan hệ cùng chiều với ý định nghỉ học.

Trong môi trường giáo dục, người học buộc phải có tương tác. Tương tác xã hội là quá trình tác động qua lại trực tiếp hoặc gián tiếp giữa các chủ thể xã hội, từ đó phát sinh ra các mối liên hệ, quan hệ xã hội gắn kết các cá nhân với nhau. Phân tích sâu hơn, tương tác xã hội có thể tạo ra sự cạnh tranh trực tiếp, hoặc ngầm định, thông qua đó mỗi cá nhân có thể nhận diện được chính mình và nhận diện được người khác. Tajfel và Turner (1986) [14] chỉ ra rằng, tương tác xã hội giúp cá nhân uốn nắn hành vi của bản thân theo các chuẩn mực đạo đức được thừa nhận rộng rãi, đồng thời thông qua tương tác tạo ra sự cảm thông, sự sẻ chia và hoàn thiện nhân cách. Cho dù những tranh luận về bản chất con người là thiện hay ác vẫn chưa ngã ngũ thì nhân loại đều cùng chung một quan điểm là thông qua giáo dục và cảm hóa, mỗi cá nhân sẽ nhận ra và rời xa cái xấu.

Vai trò điều tiết của yếu tố “Phán xét của cộng đồng” tới cảm xúc tiêu cực trong học tập và ý định nghỉ học của sinh viên thuộc nhóm LGBT chưa được khám phá ở Việt Nam. Tuy nhiên, nghiên cứu của Lewis và cộng sự (2002) [8] đã xác nhận rằng, sự chấp nhận và hỗ trợ

từ cộng đồng có thể có tác động tích cực đến quá trình phát triển và tinh thần của nhóm LGBT. Dahir và Stone (2009) [12] phát hiện ra phán xét tiêu cực từ cộng đồng có thể gây ra tác động tiêu cực cho hầu hết người học, trong đó có cả nhóm LGBT. Mọi sự kì thị, phân biệt giới tính, màu da, địa vị xã hội của gia đình, quốc tịch hay ngay cả định nghĩa về LGBT cũng được coi là một sự xúc phạm đối với nhóm người này. Do vậy, nghiên cứu này bổ sung thêm yếu tố “Phán xét của cộng đồng” vào mô hình nghiên cứu và giả thuyết nghiên cứu được phát biểu như sau:

H<sub>7</sub>: Tương tác xã hội giúp cải thiện ý định nghỉ học.

H<sub>8,a</sub>: Phán xét của cộng đồng làm tăng tác động của cảm xúc tiêu cực trong học tập lên ý định nghỉ học.

H<sub>8,b</sub>: Phán xét của cộng đồng làm tăng tác động của môi trường học tập tiêu cực lên ý định nghỉ học.

H<sub>8,c</sub>: Phán xét của cộng đồng làm tăng tác động của tương tác xã hội lên ý định nghỉ học.

## 2.2. Dữ liệu và kĩ thuật phân tích dữ liệu

Thử thách lớn nhất khi thực hiện đề tài này là tiếp cận với đối tượng khảo sát. Những đối tượng tham gia khảo sát đến từ ba trường đại học tại Thành phố Hồ Chí Minh, gồm: Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm Thành phố Hồ Chí Minh, Trường Đại học Tài chính - Marketing, Trường Đại học Công thương Thành phố Hồ Chí Minh. Đầu tiên, chúng tôi lựa chọn cách tiếp cận thông qua kênh cố vấn học tập để sàng lọc các đối tượng phù hợp. Tuy nhiên, khi trao đổi trực tiếp với các đối tượng này xuất hiện nhiều thông tin giả và đối tượng “đồng tính giả”. Do vậy, các thành viên đề tài thay đổi phương pháp tiếp cận ở lần khảo sát thứ hai, bằng cách sử dụng kĩ thuật quả cầu tuyết (snowing ball sampling). Theo đó, khi tiếp cận được với một cá nhân thuộc nhóm LGBT, các thành viên đề tài sẽ huấn luyện kĩ năng khảo sát cho cá nhân đó, rồi nhờ cá nhân đó tiếp tục giới thiệu, hoặc trực tiếp khảo sát giúp các đối tượng tiếp theo. Cách tiếp cận này hiệu quả hơn bởi cộng đồng LGBT có các kí hiệu và ngôn ngữ riêng mà chỉ các cá nhân trong cuộc mới nhận ra được. Toàn bộ được khảo sát trực tiếp để tránh tiết lộ thông tin cá nhân, đồng thời cũng là cách để cải thiện sự hiểu biết cho các thành viên đề tài về những “khoảng tối” trong suy nghĩ của nhóm sinh viên LGBT. Chính vì vậy, thời gian khảo sát từ tháng 01 năm 2023 đến hết ngày 25 tháng 6 năm 2023 với tỉ lệ từ chối khảo sát lên tới 63,46% (= 165 phiếu hợp lệ/260 cá nhân). Bộ câu hỏi cho từng biến được kế thừa từ những nghiên cứu trước của Crandall và cộng sự, Russell và cộng sự, Saewyc và cộng sự. Nghiên cứu sử dụng thang đo Likert với 1: Hoàn toàn không đồng ý, 3: Không ý kiến và 5: Hoàn toàn đồng ý.

Để kiểm định 8 giả thuyết của mô hình nghiên cứu đề xuất, bài viết sử dụng mô hình cấu trúc tuyến tính

bình phương riêng phần nhỏ nhất (PLS-SEM) do Hair và cộng sự (2014) [15] giới thiệu. Trình tự xử lý dữ liệu được tiến hành qua các bước: Thống kê mô tả; Kiểm định độ tin cậy của thang đo; Phân tích nhân tố khám phá; Kiểm định giả thuyết bằng kỹ thuật bình phương riêng phần nhỏ nhất (partial least square, PLS) và kiểm định độ tin cậy của mô hình thông qua các kiểm định về mức độ giải thích của các biến độc lập (chỉ số R-square), độ lớn của tác động (chỉ số Stone-Geisser's Q<sup>2</sup>).

### 2.3. Kết quả nghiên cứu

Những sinh viên thuộc cộng đồng LGBT tham gia vào nghiên cứu này đến từ 3 trường đại học ở Thành phố Hồ Chí Minh. Với 165 phiếu khảo sát hợp lệ, tỉ lệ đồng tính bẩm sinh chỉ chiếm 3,5%, còn lại 96,5% là đồng tính giả (là những cá nhân tự chấp nhận và vào cuộc tự nguyện). Tỉ lệ đồng tính nam chiếm 64,7%; đồng tính nữ chiếm 31,2%, song tính 4,1%, nhóm nghiên cứu không tiếp cận được với đối tượng chuyển giới.

Trong bước tiếp theo, nghiên cứu sử dụng hệ số Cronbach's Alpha, chỉ số độ tin cậy tổng hợp (composite reliability), chỉ số tỉ lệ phương sai trích (average variance extracted) để đánh giá độ giá trị hội tụ và độ giá trị phân biệt của từng thang đo. Có 2 câu hỏi bị loại bỏ gồm: "Tôi bị người thân bạo hành" thuộc biến áp lực từ gia đình và "Tôi là người thích đặt mục tiêu" thuộc biến năng lực bản thân. Kết quả trong Bảng 1 (sau khi loại bỏ 2 câu hỏi trên) cho thấy, cả 9 thang đo có hệ số Cronbach's Alpha biến thiên trong khoảng [0,839 - 0,918], độ tin cậy tổng hợp lớn hơn 0,8 và các giá trị phương sai trích đều lớn hơn 0,5. Theo Hair và cộng sự (2014) [15], kết quả như vậy cho thấy các thang đo trong mô hình đạt được giá trị hội tụ. Bên cạnh đó, để đánh giá độ giá trị phân biệt, nghiên cứu này sử dụng ma trận Heterotrait-Monotrait Ratio of Correlations (HTMT). Kết quả thực nghiệm cho thấy giá trị tương quan giữa các thang đo đều nhỏ hơn 0,85, từ đó nghiên cứu đi đến kết luận là các thang đo đều đạt độ giá trị phân biệt [15].

**Bảng 1: Kết quả kiểm định độ giá trị phân biệt các thang đo trong mô hình**

Thang đo	Hệ số Cronbach's Alpha	Độ tin cậy tổng hợp	Tỉ lệ phương sai trích
Áp lực gia đình	0,861	0,905	0,705
Năng lực bản thân	0,874	0,923	0,799
Cảm xúc tiêu cực trong học tập	0,902	0,927	0,719
Cố vấn học tập	0,846	0,896	0,682
Quy định học tập	0,918	0,942	0,802
Môi trường học tập	0,893	0,926	0,757

Thang đo	Hệ số Cronbach's Alpha	Độ tin cậy tổng hợp	Tỉ lệ phương sai trích
Tương tác xã hội	0,918	0,942	0,801
Phản xét của cộng đồng	0,839	0,894	0,679
Ý định nghỉ học	0,895	0,927	0,762

(Nguồn: Tính toán của nhóm tác giả)

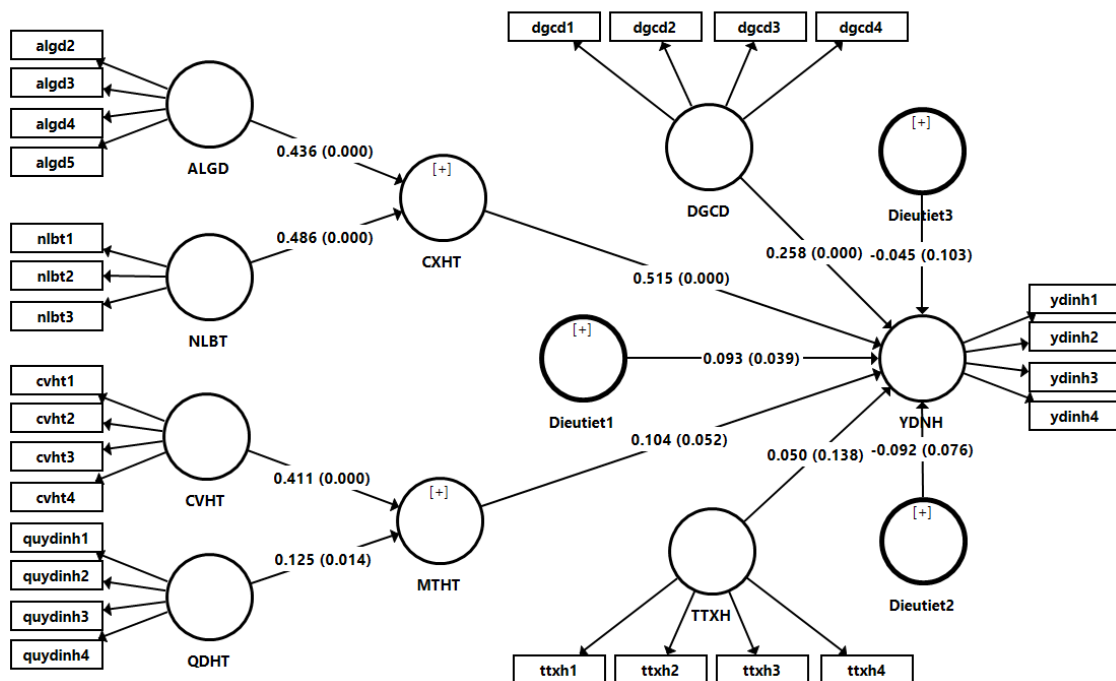
Sau khi các kiểm định Cronbach's Alpha, độ tin cậy tổng hợp, phương sai trích đều thỏa mãn, bài viết ứng dụng kỹ thuật phân tích PLS-SEM để kiểm định tám giả thuyết đặt ra ban đầu. Về tác động trực tiếp, kết quả thực nghiệm cho thấy có năm giả thuyết nghiên cứu được ủng hộ và hai giả thuyết không được ủng hộ. Chi tiết hơn, nghiên cứu phát hiện được áp lực gia đình ( $\beta = 0,436$ ;  $p = 0,000$ ); sự tự ti của bản thân ( $\beta = 0,486$ ;  $p = 0,000$ ) đều có tác động cùng chiều với cảm xúc tiêu cực trong học tập. Kết quả này phù hợp với kết luận của Pekrun và cộng sự (2002) [1], Villavicencio và Bernardo (2013) [16] khi cho rằng, cảm xúc tiêu cực trong học tập là sự tích tụ lâu dài từ nhiều phía, trong đó có yếu tố gia đình và khả năng phản kháng với áp lực từ chính bản thân người học. Khi gia đình không chấp nhận và kì thị, cá nhân thuộc nhóm LGBT có cảm giác bị phản bội. Họ có thể cảm thấy mất đi một phần quan trọng của cuộc sống gia đình, đau đớn và không được yêu thương như những người thân khác. Bên cạnh đó, sự nghi ngờ về năng lực học tập có thể làm cho những cá nhân này tự ti về bản thân, cảm thấy không được đồng hành và hỗ trợ như những người khác trong lớp học, thậm chí họ không xứng đáng được học tập. Bảng 2 cho thấy, khi cố vấn học tập thiếu sự quan tâm, thấu cảm hay có các hành động kì thị, xa lánh ( $\beta = 0,411$ ;  $p = 0,000$ ), cộng thêm với quy định học tập cứng nhắc, vắng bóng sự tôn trọng và tính nhân văn ( $\beta = 0,125$ ;  $p = 0,014$ ) thì môi trường học tập sẽ ngột ngạt, áp lực và gia tăng sự lo lắng cho người học. Tuy nhiên, kết quả phân tích đường dẫn cũng cho thấy, trong nghiên cứu này, nhóm LGBT chỉ hình thành ý định nghỉ học khi chính bản thân họ cảm nhận thấy cảm xúc tiêu cực đang vây quanh họ ( $\beta = 0,515$ ;  $p = 0,000$ ), còn tác động của cả môi trường học tập và tương tác xã hội đến ý định nghỉ học là không rõ ràng (do p-value đều lớn hơn giá trị 0,05).

Đối với tác động điều tiết của yếu tố "Phản xét của cộng đồng", kết quả thực nghiệm cho thấy những phản xét này làm thúc đẩy tác động của cảm xúc tiêu cực trong học tập đến ý định nghỉ học. Tức là, làm cho nhóm LGBT có động lực chấm dứt việc học tập hiện tại của bản thân nhanh hơn ( $\beta = 0,093$ ;  $p = 0,039$ ). Mặc dù phản xét của cộng đồng làm giảm tác động của môi

**Bảng 2: Kết quả nghiên cứu**

Đường dẫn	GT	Mô hình nghiên cứu			Kết luận
		$\beta$	p-value	Bootstrap	
<b>Tác động trực tiếp</b>					
Áp lực gia đình → Cảm xúc trong học tập	H1	0,436	0,000	[0,35; 0,51]	Ủng hộ
Năng lực bản thân → Cảm xúc trong học tập	H2	0,486	0,000	[0,40; 0,56]	Ủng hộ
Cảm xúc trong học tập → Ý định nghỉ học	H3	0,515	0,000	[0,41; 0,62]	Ủng hộ
Cố vấn học tập → Môi trường học tập	H4	0,411	0,000	[0,30; 0,52]	Ủng hộ
Quy định học tập → Môi trường học tập	H5	0,125	0,014	[0,04; 0,21]	Ủng hộ
Môi trường học tập → Ý định nghỉ học	H6	0,104	0,052	[0,01; 0,22]	Không ủng hộ
Tương tác xã hội → Ý định nghỉ học	H7	0,050	0,138	[-0,01; 0,15]	Không ủng hộ
<b>Tác động gián tiếp</b>					
Phản xét của cộng đồng → Cảm xúc trong học tập → Ý định nghỉ học	H8,a	0.093	0.039	[0,01; 0,17]	Ủng hộ
Phản xét của cộng đồng → Môi trường học tập → Ý định nghỉ học	H8,b	-0.092	0.076	[-0,19; 0,01]	Không ủng hộ
Phản xét của cộng đồng → Tương tác xã hội → Ý định nghỉ học	H8,c	-0.045	0.103	[-0,09; 0,01]	Không ủng hộ
R <sup>2</sup>		R <sup>2</sup> <sub>Cảm xúc trong học tập</sub> = 0,692; R <sup>2</sup> <sub>Môi trường học tập</sub> = 0,618; R <sup>2</sup> <sub>Ý định nghỉ học</sub> = 0,649			
Stone-Geisser's Q <sup>2</sup>		Q <sup>2</sup> <sub>Cảm xúc trong học tập</sub> = 0,490; Q <sup>2</sup> <sub>Môi trường học tập</sub> = 0,456; Q <sup>2</sup> <sub>Ý định nghỉ học</sub> = 0,483			

(Nguồn: Tính toán của nhóm tác giả)



(Nguồn: Tính toán của nhóm tác giả)

**Hình 1: Kết quả nghiên cứu**

trường học tập ( $\beta = -0,092$ ;  $p = 0,076$ ) và tương tác xã hội ( $\beta = -0,045$ ;  $p = 0,103$ ) đến ý định nghỉ học nhưng nghiên cứu không tìm được bằng chứng thống kê để xác nhận cho kết luận này. Đề lý giải cho kết luận này, theo nghiên cứu của Bilewicz và cộng sự (2021) [4]

việc bộc lộ bản dạng giới của nhóm LGBT ra bên ngoài không phải là hành vi nhất thời mà có sự tích tụ. Đôi khi việc tích tụ lâu ngày cộng thêm với quá quen với những phán xét tiêu cực từ cộng đồng làm cho các cá nhân LGBT trở lên mất cảm xúc với các phán xét này. Giá

trị R-square của biến Cảm xúc trong học tập là 0,692, của biến ý định nghỉ học là 0,649. Điều này có ý nghĩa là, hai biến áp lực từ gia đình và sự tự ti của bản thân giải thích được 69,2% sự thay đổi của biến cảm xúc tiêu cực trong học tập. 64,9% sự biến động của biến ý định nghỉ học được giải thích bởi ba biến cảm xúc trong học tập, môi trường học tập và tương tác xã hội. Do đó, bài viết kết luận kết quả kiểm định giá thuyết là đáng tin cậy. Cuối cùng, chỉ số Stone-Geisser's ( $Q^2$ ) của cả 03 biến đều lớn hơn giá trị 0, cho thấy mô hình nghiên cứu đề xuất là phù hợp để giải thích các ý định nghỉ học của nhóm sinh viên LGBT. Kết quả thực nghiệm của nghiên cứu được minh họa trong Hình 1.

### 3. Hàm ý quản trị và kết luận

#### 3.1. Hàm ý quản trị

Theo Datu (2018) [17], những định kiến về giới và bạo lực học đường cần thời gian dài mới thay đổi được. Những phán xét tiêu cực của cộng đồng về nhóm LGBT không chỉ tạo ra cảm xúc tiêu cực mà còn để lại hệ lụy về tâm lý và phát triển nhân cách, ảnh hưởng trực tiếp tới quyết định tiếp tục học tập của họ. Dựa trên kết quả thực nghiệm, bài viết gợi mở một số hàm ý quản trị sau đây:

*Thứ nhất:* Cơ sở đào tạo nên sớm ban hành văn hoá ứng xử trong trường học, đào tạo các kỹ năng sống để cảm xúc tích cực trong học tập “tự lên tiếng”, tính nhân văn được lưu truyền và chính sách bình đẳng được xác lập. Cố vấn học tập có thể lưu ý giảng viên khi lên lớp thì ưu tiên sắp xếp những sinh viên LGBT ở gần bục giảng để tăng cường sự quan tâm. Ngoài ra, trong bài giảng nên chú trọng vào việc khơi gợi và yêu cầu những sinh viên này tham gia nhiều hơn vào các hoạt động học tập tại lớp, tại trường.

*Thứ hai:* Cơ sở đào tạo cần thành lập bộ phận tư vấn tâm lý để trợ giúp nhóm LGBT khi họ gặp phải các bất ổn tâm lý. Tăng cường hợp tác với các tổ chức phi chính phủ, tổ chức xã hội hoạt động về bình đẳng giới để cung

cấp cho nhóm LGBT các kỹ năng cần thiết để ứng phó với các phán xét tiêu cực từ cộng đồng.

*Thứ ba:* Việc thành lập câu lạc bộ sinh viên LGBT hoặc nhóm tình nguyện hỗ trợ LGBT cũng cần được xem xét bởi chỉ có những cá nhân LGBT mới dễ đồng cảm và chia sẻ thông tin với nhau.

#### 3.2. Kết luận

Trong lĩnh vực giáo dục, tình trạng nghỉ học của các cá nhân thuộc cộng đồng LGBT do mâu thuẫn với cơ sở giáo dục, với giảng viên, hay với bạn cùng học của sinh viên nói chung có xu hướng tăng lên. Nghiên cứu này được thực hiện để đánh giá vai trò điều tiết của “phán xét của cộng đồng” trong việc tạo ra sự cạnh tranh ngầm, sự kì thị và có thể dẫn đến tình trạng nghỉ học của sinh viên thuộc nhóm LGBT. Kết quả thực nghiệm xác nhận được cảm xúc tiêu cực trong học tập là nguyên nhân chính dẫn đến tình trạng nghỉ học. Khi được cộng hưởng với phán xét tiêu cực từ cộng đồng thì ý định nghỉ học diễn ra nhanh hơn. Cùng với đó, tác động của môi trường học tập và tương tác xã hội đến ý định nghỉ học của sinh viên thuộc cộng đồng LGBT là không rõ ràng.

*Hạn chế của nghiên cứu:* LGBT là đối tượng khảo sát có tính đặc thù rất cao nên cho dù đã nỗ lực thì nghiên cứu này vẫn có một số hạn chế nhất định như: 1) Không thể phân tích sâu hơn các thông tin về bản dạng giới; 2) Không chỉ ra được sự khác biệt về ý định nghỉ học cho 04 nhóm trong cộng đồng LGBT; 3) Sự hiểu biết của các thành viên đề tài về LGBT nói chung và những “suy nghĩ nội tâm” của nhóm LGBT vẫn còn hạn chế.

**Lời cảm ơn:** Nhóm nghiên cứu trân trọng cảm ơn tất cả các sinh viên đã vượt qua rào cản của bản thân để tham gia vào cuộc khảo sát này. Cảm ơn Quý đồng nghiệp trong Khoa Quản trị kinh doanh, Trường Đại học Công thương Thành phố Hồ Chí Minh đã động viên và cho nhóm nhiều lời khuyên hữu ích.

#### Tài liệu tham khảo

- [1] Pekrun, R., Goetz, T., & Titz, W., (2002), *Academic Emotions in Students' Self-Regulated Learning and Achievement: A Program of Qualitative and Quantitative Research*, Educational Psychologist, 37, 91-106.
- [2] Nguyễn Thị Minh Hằng, (2014), *Ứng phó với cảm xúc tiêu cực của học sinh trung học cơ sở*, Tạp chí Khoa học, Đại học Quốc gia Hà Nội: Khoa học Xã hội và Nhân văn, số 30(4), tr.25-34.
- [3] Bùi Hoàng Ngọc - Đỗ Văn Thắng - Lê Lương Hiếu, (2023), *Ảnh hưởng của thương hiệu trường đại học đến cảm xúc tập và ý định chuyển đổi cơ sở đào tạo của sinh viên*, Tạp chí Khoa học Giáo dục Việt Nam, số 19(1), tr.10-16.
- [4] Bilewicz M., Skrodzka M., Olko J., Lewińska T, (2021), *The double-edged sword of identification*, The divergent effects of identification on acculturation stress among Ukrainian immigrants in Poland, International Journal of Intercultural Relations, 83(1), 177-186.
- [5] Burn S. M., Kadlec K., Rexer R, (2005), *Effects of subtle heterosexism on gays, lesbians, and bisexuals*, Journal of Homosexuality, 49(2), 23-38.
- [6] Carnaghi A., Maass A., Fasoli F, (2011), *Enhancing masculinity by slandering homosexuals: The role of homophobic epithets in heterosexual gender identity*, Personality and Social Psychology Bulletin, 37(12), 1655-1665.
- [7] Crawford J. R., Henry J. D, (2004), *The positive and*

- negative affect schedule (PANAS): Construct validity, measurement properties and normative data in a large non-clinical sample*, British Journal of Clinical Psychology, 43(3), 245–265.
- [8] Lewis R. J., Derlega V. J., Berndt A., Morris L. M., Rose S. (2002), *An empirical analysis of stressors for gay men and lesbians*, Journal of Homosexuality, 42(1), 63–88.
- [9] Watson D., Clark L. A., Tellegen A. (1988), *Development and validation of brief measures of positive and negative affect: The PANAS scales*, Journal of Personality and Social Psychology, 54(6), 1063–1070.
- [10] Klem, A.M., & Connel, J.P. (2004), *Relationships Matter: Linking Teacher Support to Student Engagement and Achievement*, Journal of School Health, 74(7), 262–273.
- [11] Li, H.J., & Prevatt, F. (2008), *Fears and Related Anxieties in Chinese High School Students*, School Psychology, 29(1), 89–104.
- [12] Dahir, Carol., & Stone, Carolyn. B. (2009), *School Counselor Accountability: The Path to Social Justice and Systemic Change*, Journal of Counseling & Development, 87(1), 12–20.
- [13] Wypych M., Bilewicz M. (2022), *Psychological toll of hate speech: The role of acculturation stress in the effects of exposure to ethnic slurs on mental health among Ukrainian immigrants in Poland*, Cultural Diversity and Ethnic Minority Psychology, 29(3) 1–10.
- [14] Tajfel H., Turner J.C. (1986), *The social identity theory of intergroup behavior*, In Worchel S., S.Austin W. G. (Eds.), Psychology of intergroup relations (pp. 7–24), Hall Publishers.
- [15] Hair, J.F., Jeffrey, J.R., Sarstedt, M., & Ringle, C.M. (2014), *Partial Least Squares Structural Equation Modeling (PLS-SEM): An Emerging Tool in Business Research*, European Business Review, 26, 106–121.
- [16] Villavicencio, F. T - Bernardo, A. B. I. (2013), *Negative Emotions Moderate the Relationship Between Self-Efficacy and Achievement of Filipino Students*, Psychology Studies, 58(3), p.225-232.
- [17] Datu, J.A.D. (2018), *Everyday discrimination, negative emotions, and academic achievement in Filipino secondary school students: Cross-sectional and cross-lagged panel investigations*, Journal of School Psychology, 68, 195–205.

## SOCIAL JUDGMENTS AND STUDENTS' DROPOUT INTENTION IN THE LGBT COMMUNITY

Bui Hoang Ngoc\*<sup>1</sup>, Dang Huy Hung<sup>2</sup>,  
Nguyen Huu Nam<sup>3</sup>, Duong Nguyen Kieu Trinh<sup>4</sup>,  
Phan Tuong Vy<sup>5</sup>, Chung Ngoc Bao Chau<sup>6</sup>

\* Corresponding author

<sup>1</sup> Email: ngocbh@hufi.edu.vn

<sup>2</sup> Email: 2036205657@hufi.edu.vn

<sup>3</sup> Email: 2036205618@hufi.edu.vn

<sup>4</sup> Email: 2036205662@hufi.edu.vn

<sup>5</sup> Email: 2013213495@hufi.edu.vn

<sup>6</sup> Email: 2013213135@hufi.edu.vn

Ho Chi Minh City University of Industry and Trade  
140 Le Trong Tan, Tay Thanh, Tan Phu,  
Ho Chi Minh City, Vietnam

**ABSTRACT:** Individuals in the LGBT community are often more sensitive and vulnerable to community judgments than other groups. The study aims to explore the impact of negative learning emotions, environment, and social interactions on students' dropout intention. In addition, the article also investigates and discusses in depth the role of "social judgments" in mediating the above three impacts for students in the LGBT community. Using the partial least squares structural equation model (PLS-SEM) for 165 valid observations, the main findings are summarized: (i) Negative learning emotion is positively related to dropout intention, and social judgments vigorously promote this intention; (ii) A learning environment lacking in understanding and sharing foster the intention to leave school. However, the social judgments are neutral for this impact; (iii) The impact of social interaction on dropout intention is not clear. These findings provide empirical evidence to help educational administrators, universities, and communities take more appropriate actions and behaviors toward LGBT students.

**KEYWORDS:** LGBT community, dropout intention, negative learning emotion, social interaction, learning environment.